

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2022/ HNGĐ - ST

Ngày 27 - 4- 2022

"Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn."

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Khắc Tuyn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Trung.
2. Ông Nguyễn Văn Bảy.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Thanh Tùng - Thư ký
Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị C (tên gọi khác: Lê Thị H).

Địa chỉ cư trú: số nhà N, tổ N, khu T, phường Đ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: anh Phạm Hồng T.

Địa chỉ cư trú: số nhà N, tổ N, khu T, phường Đ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 12 năm 2021; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị C trình bày:*

- Về tình cảm: chị và anh Phạm Hồng T về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Đ, huyện (nay là thị xã) Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh ngày 05 tháng 12 năm 2002. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, anh T không quan tâm đến vợ, con. Chị và anh T đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2019. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải, bản thân chị cũng đã cố gắng tìm cách để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên đề nghị được ly hôn anh T.

- Về con chung: chị và anh T có một con chung tên là Phạm Lê U, sinh ngày 12 tháng 9 năm 2007. Thời gian vợ chồng ly thân, con chung ở cùng với chị. Khi ly hôn, chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: chị và anh T có một thửa đất diện tích 73.8 m² tại khu T, phường Đ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh (đã được ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Đông Triều cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH204..., số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03... ngày 19/6/2013). Tài sản trên đất gồm một căn nhà rộng khoảng 30 m² các công trình phụ và xưởng cơ khí. Ước tính tổng giá trị tài sản chung khoảng 1.000.000.000 đồng. Chị C đề nghị phân chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 30 tháng 3 năm 2022, chị C có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị tự thỏa thuận với anh T về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Hồng T trình bày:*

- Về tình cảm: quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Lê Thị C đúng như nội dung chị C đã trình bày. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xảy ra bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên đã động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Anh và chị C đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 6 năm 2019 không còn quan tâm đến nhau. Nay chị C có đơn xin ly hôn, anh thấy giữa hai người có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: anh và chị C có một con chung như chị C đã trình bày. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị C trực tiếp nuôi con, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh và chị C tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Khi tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự, đại diện chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:*

Anh T và chị C về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Đ, huyện (nay là thị xã) Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm rõ, chỉ biết do mâu thuẫn

nên anh hai người đã sống ly thân. Khi ly thân, chị C về nhà mẹ đẻ sinh sống còn anh T vẫn sinh sống tại địa phương, hai người có một con chung hiện nay đang ở cùng chị C. Về tài sản chung, nợ chung của các bên địa phương không nắm rõ.

* Khi được hỏi, cháu Phạm Lê U có ý kiến: quá trình chung sống giữa bố mẹ cháu có nhiều mâu thuẫn nên đã sống mỗi người một nơi. Nay bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự quá trình tham gia tố tụng đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Lê Thị C được ly hôn anh Phạm Hồng T; giao con chung chưa thành niên cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:* nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị C thuộc những tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Phạm Hồng T hiện đang cư trú tại phường Đ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Lê Thị C và anh Phạm Hồng T tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Thời gian chung sống sau khi kết hôn, giữa chị C và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 6 năm 2019. Quá trình giải quyết, anh T cũng có quan điểm đồng ý ly hôn chị C.

Từ đó xác định: chị Lê Thị C và anh Phạm Hồng T không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cần chấp nhận cho chị C được ly hôn anh T theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] *Về con chung:* chị Lê Thị C và anh Phạm Hồng T có một con chung là Phạm Lê U, sinh ngày 12 tháng 9 năm 2007. Thời gian vợ chồng ly thân, con chung vẫn ở cùng với chị C, được chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển bình thường, chị C nhận trực tiếp nuôi dưỡng con và anh T cũng có quan điểm đồng ý. Do vậy, cần giao con chung cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quan

điểm các đương sự và quy định của pháp luật và cũng đáp ứng nguyện vọng của con chưa thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị C yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng và anh T cũng có quan điểm đồng ý với mức cấp dưỡng chị C đưa ra. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị C về việc yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Phạm Lê U mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con thành niên.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chưa thành niên, nếu xét thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện hoặc lợi ích của con chưa thành niên không được đảm bảo thì căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, các đương sự hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[4] *Về tài sản chung*: trong thời gian chuẩn bị xét xử, chị Lê Thị C xin rút yêu cầu khởi kiện liên quan đến việc chia tài sản chung. Xét thấy việc chị C rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, anh T cũng không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu độc lập và có đề nghị được tự thỏa thuận với chị C về tài sản chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và đình chỉ xét xử đối với nội dung khởi kiện về việc chia tài sản chung của chị Lê Thị C.

[5] *Về nợ chung*: các đương sự đều xác định vợ chồng không có nợ chung, không có đề nghị gì liên quan đến vấn đề này nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí*: chị Lê Thị C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm; anh Phạm Hồng T là người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

****Áp dụng:***

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 218, khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 3 Điều 18, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

****Tuyên xử:***

1. *Về quan hệ hôn nhân*: chị Lê Thị C (tên gọi khác Lê Thị H) được ly hôn anh Phạm Hồng T.

2. *Về con chung*: chị Lê Thị C có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm Lê U, sinh ngày 12 tháng 9 năm 2007 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Phạm Hồng T phải cấp dưỡng cho con Phạm Lê U mỗi tháng 2.000.000 đ (Hai triệu đồng), kể từ tháng 4 năm 2022 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Phạm Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Lê Thị C cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản chung*: đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị C về việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

Chị Lê Thị C có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại việc chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

4. *Về án phí*:

- Chị Lê Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 12.300.000đ (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009239 ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều. Chị C đã nộp đủ tiền án phí. Trả lại chị Lê Thị C số tiền tạm ứng án phí 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) trong tổng số tiền 12.300.000 đ (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền nêu trên.

- Anh Phạm Hồng T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

5. *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện KSND thị xã Đông Triều;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THA DS thị xã Đông Triều;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Khắc Tuyền